

Bản án số: 39/2019/DS-ST

Ngày: 26-11-2019

V/v trAh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh Hải
2. Ông Nguyễn Hữu Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương GiAg- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2019/TLST- HĐVTS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về: TrAh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

N đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1951

Ủy quyền cho bà Lê Thị N, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: Thôn Nhiêu Thị, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A Nguyễn, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quaA: Bà Lê Thị N, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn Nhiêu Thị, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của N đơn, quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền cho N đơn bà Lê Thị N trình bày: Do có mối quA hệ quen biết, ngày 20/11/2015, bà Lê Thị V cho chị Nguyễn Thị Y vay số tiền là 20.000.000đ và 04 chỉ vàng (gồm 02 chỉ lắ và 02 chỉ nhẫn mặt đá) trị giá 14.600.000đ. Khi vay các bên có viết giấy biên nhận vay tiền, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2000đ/ngày/triệu và khi nào bà V cần tiền chị Y sẽ trả. Mục đích chị Y vay để sử dụng vào việc riêng. Do cần tiền, đầu năm 2019, bà V đi lại đòi nhiều lần nhưng chị Y không trả. Đến nay chị Y vẫn chưa trả được bà V đồng tiền gốc và lãi suất nào. Nay bà V yêu cầu chị Y phải trả bà tiền gốc cùng vàng đã vay là 34.600.000đ và lãi suất phát sinh theo lãi

suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày: Do có mối quen biết, ngày 20/11/2015 chị có vay của bà Lê Thị V số tiền 20.000.000đ. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất. Hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2.000đ/triệu/ngày và khi nào bà V cần tiền báo cho chị chị sẽ trả. Mục đích chị vay tiền để làm ăn. Sau khi vay chị đã trả cho bà V được 500.000đ tiền gốc và một năm tiền lãi, khi trả các bên không viết giấy tờ, chị cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Đối với 04 chỉ vàng, chị không vay của bà V nên nay bà V yêu cầu chị trả số tiền gốc 20.000.000đ cùng 04 chỉ vàng và lãi suất 9%/năm từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, chị đồng ý trả bà V số tiền 20.000.000đ, còn 04 chỉ vàng chị không đồng ý. Do hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn, chị xin được trả dần số tiền trên, còn tiền lãi cho chị xin.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V, buộc chị Y phải trả cho bà V số tiền gốc còn nợ là 19.500.000đ và lãi suất phát sinh 9%/năm; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà V đối với 04 chỉ vàng.

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Do có mối quen biết, ngày 20/11/2015, bà Lê Thị V có cho chị Nguyễn Thị Y vay số tiền là 20.000.000đ. Khi vay các bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Các bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2000đ/ngày/triệu và khi nào bà V cần tiền báo cho chị Y chị Y sẽ trả. Mục đích chị Y vay để sử dụng vào việc riêng. Sau khi vay chị Y đã trả bà V được 500.000đ tiền gốc, còn tiền lãi chưa trả được đồng nào. Do cần tiền, đầu năm 2019, bà V đi lại đòi nhiều lần nhưng chị Y không trả. Nay bà V yêu cầu chị Y phải trả bà số tiền gốc đã vay còn nợ là 19.500.000đ và lãi suất phát sinh theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng) từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Do bà V, chị Y không chứng minh được thời gian chị Y trả bà V 500.000đ tiền gốc, nên buộc chị Nguyễn Thị Y phải trả bà V số tiền gốc đã vay còn nợ là 19.500.000 và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/11/2015 đến ngày 22/11/2019 là 48 tháng 02 ngày x 9%/năm (0,75%/tháng) x 19.500.000đ = 7.029.000đ. Tổng số tiền chị Y phải trả bà V là 26.529.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm hai mươi chín nghìn đồng).

[2]. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bà Lê Thị V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 04 chỉ vàng. Tại phiên tòa, bà V và người đại diện theo ủy quyền của bà là bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

cầu khởi kiện của bà V là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà V.

[3]. Quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Y khai chị đã trả cho bà V được năm tiền lãi, nhưng chị không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Nguyễn Thị Y giao nộp cho Tòa án 01 “Giấy xác nhận” đề ngày 17/6/2019, có chữ ký người nhận Lê Thị N với nội dung bà Lê Thị N là em ruột bà Lê Thị V nhận hộ bà V 10.000.000đ tiền gốc do chị Y trả cho bà V. Tại phiên tòa ngày 01/11/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N khẳng định không có việc này, bà đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cơ quan chuyên môn giám định nội dung “Giấy xác nhận” trên. Tại Kết luận giám định số 1784/KL- KTHS ngày 11/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- “Chữ viết phần ghi nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ ký, chữ viết “Y- Nguyễn Thị Y”, “N- Lê Thị N” dưới mục “Người trả tiền”, “Người nhận tiền”) **đã bị tẩy xóa, sửa chữa, viết chèn đè**”.

- Nội dung chữ viết N thủy xác định được một phần (cách đếm dòng kể từ trên xuống dưới) gồm: Dòng kẻ thứ 1 là “*DAh sách khách hàng dùng thử*”; dòng kẻ thứ hai là “*9 1: Trà...*”; dòng kẻ thứ 3 là “*1: trà At...*”; dòng kẻ thứ 4 là “*/ Việt*”; dòng kẻ thứ 5 là “*Nguyễn Thị Việt*”; dòng kẻ thứ 6 có đường gạch ngang; dòng kẻ thứ 8 là “*10 1: Trà...*”; dòng kẻ thứ 11 là “*Nguyễn Thị Phúc*”; dòng kẻ thứ 13 có đường gạch ngang; dòng kẻ thứ 14 là “*11 1: Trà chị N Đ/c: T Đồi Ngô*”; dòng kẻ thứ 15 là “*1: Trà...*”; dòng kẻ thứ 16 là “*...Trà vị chAh*”. Ngoài ra kết luận còn ghi chú: *Dấu “...” là không xác định được chữ viết N thủy*...”. Căn cứ vào lời của bà N, vào kết quả giám định không có cơ sở xác định bà N nhận hộ bà V 10.000.000đ từ chị Y nên tài liệu, chứng cứ chị Y đưa ra không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Y phải chịu 1.326.400đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Lê Thị Lợi số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

[5]. Về chi phí tố tụng: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà Lê Thị N có căn cứ nên chị Nguyễn Thị Y phải hoàn lại cho chị N 1.920.000đ tiền chi phí giám định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị V. Buộc chị Nguyễn Thị Y phải trả cho bà Lê Thị V tổng số tiền là 26.529.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm hai

mười chín nghìn đồng). Trong đó có 19.500.000đ (mười chín triệu đồng) tiền gốc, 7.029.000đ (bảy triệu không trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền lãi.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 1.326.400đ (một triệu ba trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Lê Thị V 865.000đ tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0003884 ngày 21/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Y không trả số tiền trên, thì hàng tháng chị Y còn phải trả cho bà Lê Thị V số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2017 là 10%/năm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y phải hoàn trả chị Lê Thị N 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân